TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HSST
Ngày 18/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Âu Thị Kiều Sương

Ông Trần Văn Hổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2025/TLST - HS ngày 21 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Vũ M, Sinh ngày: 14/7/1993; nơi sinh: tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: Số 7XXB, khu phố PN 2, phường AH, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở trước khi bị bắt tạm giam: Tổ XX khu phố PC, phường PK, tỉnh Vĩnh Long); căn cước công dân số: 083093003747, Nghề nghiệp: Làm thuê; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 08/9/2025; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Văn Chí, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Kim Thoa Em, sinh năm: 1973; vợ: Trương Thị Ngọc LQ, sinh năm 1998; có 01 người con sinh năm 2021; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Luật sư Trương Văn Trọn – Văn phòng luật sư Trương Văn Trọn thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Lê Phát BH1, sinh năm 1993; Nơi cư trú: số 5xx ấp HHĐ, xã HN, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Ngọc BH2, sinh năm 1965; Nơi cư trú: số 17xx/x khu phố x,

phường SĐ, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Trương Thị Ngọc A, sinh năm 1998; Nơi cư trú: tổ xx, khu phố PT, phường PK, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 05/02/2023 đến ngày 27/7/2023, bị cáo Trần Vũ M là nhân viên làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thịnh Kiên là đối tác của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (viết tắt là VPBank) hoạt động trong lĩnh vực xử lý, thu hồi nợ xấu, nên bị cáo có được danh sách kèm thông tin, số điện thoại khách hàng nợ quá hạn của VPBank, trong đó có khách hàng Lê Phát BH1 đang nợ VPBank số tiền 132.000.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu đồng). Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh BH1. Để thực hiện ý định, ngày 23/6/2023, bị cáo sử dụng số điện thoại 0943355255 (do bị cáo đăng ký chủ thuê bao) gọi cho anh BH1, bị cáo giới thiệu là cán bộ tài chính của VPBank, thông báo cho anh BH1 biết đến tháng 4/2023 khoản nợ của anh BH1 là 132.000.000 đồng và bị cáo đưa ra thông tin VPBank đang có chương trình giảm lãi, giảm phí phạt, anh BH1 chỉ cần thanh toán số tiền 110.000.000 đồng là tất nợ. Anh BH1 tin thông tin của bị cáo là thật nên đã hẹn gặp bị cáo để trao đổi và nhờ bị cáo giúp anh BH1 thanh toán khoản nợ trên. Ngày 22/7/2023, anh BH1 điện thoại cho bị cáo thông tin đã mượn được số tiền 106.000.000 đồng, Bị cáo hẹn anh BH1 đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội (viết tắt là MBBank) Chi nhánh Bến Tre ở phường Phú Khương, thành phố Bến Tre (nay là phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long) giao cho bị cáo số tiền 106.000.000 đồng, bị cáo bù thêm 4.000.000 đồng để thanh toán tất nợ Ngân hàng. Anh BH1 đem tiền đến trước cổng MBBank giao cho bị cáo 106.000.000 đồng. Bị cáo nhận tiền của anh BH1, bị cáo không biết cách nộp tiền qua ATM vào tài khoản Ngân hàng nên bị cáo điện thoại cho Trương Thị Ngọc LQ là vợ của bị cáo đến nộp giùm. LQ đến nộp số tiền 106.000.000 đồng qua ATM vào tài khoản của LQ số 0354205977 mở tại MBBank, sau đó LQ chuyển toàn bộ số tiền này qua tài khoản số 7109205161173 mở tại Agribank (tài khoản này do bị cáo sử dụng thông tin của bà nội bị cáo tên Trần Thị Xuyến, bị cáo là người sử dụng tài khoản này). Ngày 24/7/2023, bị cáo chuyển số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản 7109205161173 qua tài khoản 0943355255 của Bị cáo mở tại VPBank, cùng ngày 24/7/2023, bị cáo đến ATM của VPBank rút 70.000.000 đồng, đưa số tiền này cho anh Nguyễn M Thuận (Tổ trưởng Tổ bảo vệ VPBank) nhờ anh Thuận vào quầy thu ngân của VPBank nộp số tiền 70.000.000 đồng vào tài khoản tín dụng số 0399959729 của Lê Phát BH1 mở tại VPBank để trả lại anh BH1, số tiền 36.000.000 đồng bị cáo cất giữ tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai:

Từ tháng 10/2023 đến tháng 06/2024, bị cáo là nhân viên của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (viết tắt là MBAMC) trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội (viết tắt là MBBank) có chức năng xử lý nợ, thẩm định tài sản nên bị cáo có hồ sơ thẩm định tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc BH2 sinh năm 1976, đăng ký thường trú: Số 179/4, Ấp 4, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là khách hàng của MBBank. Khoảng tháng 8/2024, do bị cáo muốn chiếm đoạt tiền của chị BH2 nên bị cáo sử dụng số điện thoại 0943355255 (do bị cáo đăng ký chủ thuê bao) gọi cho chị BH2, giới thiệu bị cáo là nhân viên của Ngân hàng Xây dựng Việt Nam (viết tắt là CBBank) (bị cáo là cán bộ ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang (Phòng Giao dịch Cai Lậy) ngày tuyển dụng chính thức 01/7/2024, ngày chấm dứt hợp đồng lao động là 09/8/2024), bị cáo tư vấn cho chị BH2 lãi suất của CBBank là 6,5%/năm, hướng dẫn chị BH2 chuyển sang vay tiền của CBBank. Chị BH2 tưởng thật nên nhờ bị cáo hỗ trợ làm thủ tục để chuyển sang vay tiền của CBBank. Bị cáo nói muốn vay tiền của CBBank phải có hồ sơ thẩm định giá tài sản thế chấp, chị BH2 nhờ bị cáo liên hệ với bộ phận thẩm định giá tài sản của Ngân hàng. Để thanh toán cho các khoản chi phí thẩm định giá tài sản theo đề nghị của bị cáo, chị BH2 chuyển tiền nhiều lần vào tài khoản số 0943355255 của bị cáo mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là HDBank) với tổng số tiền 94.500.000 đồng (chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng thực tế bị cáo không liên hệ với đơn vị thẩm định giá tài sản và cũng không sử dụng tiền đã nhận của chị BH2 chi trả cho hoạt động thẩm định giá tài sản, mà bị cáo chiếm đoạt toàn bộ số tiền 94.500.000 đồng của chị BH2 tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng vụ án:

- Trần Vũ M giao nộp: 01 (một) điện thoại di động, loại Iphone XP, số máy: MH5G3LL/A, số seri: DX4GF357KXKN, số Imei 1: 354065527293596, số Inei 2: 354065527786102; bên trong điện thoại có lắp thẻ sim số 89840200011643059015.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc BH2 giao nộp:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A35 5G, tên kiểu thiết bị: SM-A356E/DS, số seri: RFCX70DB04Y, số Imei 1: 351676561076284, số Imei 2: 357896811076280.

+ 01 (một) xe mô tô Biển số 71B4 - 688.34, nhãn hiệu Honda, số loại SH 150I, số máy KF42E0030847, số khung RLHKF4207MY008664, màu sơn: Trắng đen.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 71027033 của xe mô tô Biển số 71B4 - 688.34, mang tên chủ xe Trương Thị Ngọc LQ.

+ 01 bảng tên ghi chữ "TRẦN VŨ M Chuyên viên QL QHKH", có logo chữ "CB".

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSKV5 ngày 19/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Trần Vũ M về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Trước đây Trần Vũ M là nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thịnh Kiên, đối tác của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) nên M biết được thông tin, số điện thoại và tình trạng vay nợ của anh Lê Phát BH1. M từng là nhân viên của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (MBAMC) trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội (MBBank) nên M biết được thông tin, số điện thoại và tình trạng vay nợ của chị Nguyễn Thị Ngọc BH2. M đã giới thiệu với anh BH1, M là cán bộ tài chính xử lý nợ của VPBank, ngày 22/7/2023, M có hành vi gian dối chiếm đoạt của anh Lê Phát BH1 số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng); M giới thiệu với chị BH2, M là nhân viên của Ngân hàng Xây dựng Việt Nam (CBBank), từ ngày 20/9/2024 đến ngày 25/10/2024, M đã thực hiện hành vi giao dối chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ngọc BH2 nhiều lần với tổng số tiền 94.500.000 đồng (chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền M chiếm đoạt của 02 bị hại là 130.500.000 đồng. Hành vi phạm tội 02 lần nêu trên của Trần Vũ M đều được thực hiện trên địa bàn thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long). Vì vậy, cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp luật định và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, căn cứ các Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 589 Bộ luật Dân sự, ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong cho các bị hại.

Về xử lý vật chứng và tài sản khác, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A35 5G cho chị Nguyễn Thị Ngọc BH2 là phù hợp nên đề nghị ghi nhận. Đề nghị trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Thị Ngọc LQ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 71027033 của xe mô tô Biển số 71B4 - 688.34 và xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH 150I Biển số 71B4 - 688.34 mang tên chủ xe Trương Thị Ngọc LQ. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) bảng tên mang tên "TRẦN VŨ M Chuyên viên QL QHKH", có logo chữ "CB" là công cụ phạm tội. Đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động loại Iphone XP của bị cáo, đã dụng vào việc gọi điện, liên lạc để lừa đảo các bị hại

Quá trình điều tra, bị hại Lê Phát BH1 trình bày: Ngày 23/6/2023 anh nhận được điện thoại từ bị cáo cho rằng là nhân viên của ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và thông báo cho anh biết đúng số tiền anh còn nợ thẻ tín dụng. Do tin tưởng bị cáo là nhân viên ngân hàng, tin về việc ngân hàng có đưa ra chương trình giảm lãi, giảm phí phạt chỉ cần anh trả cho ngân hàng 110.000.000 đồng thì sẽ tất nợ tín dụng 132.000.000 đồng nên anh đã giao cho bị cáo số tiền 106.000.000 đồng vào ngày 22/7/2023 để bị cáo là nhân viên ngân hàng thực hiện thủ tục tất toán nợ cho anh. Tuy nhiên, ngày 24/7/2023 anh nhận được tin nhắn báo tài khoản thẻ tín dụng của anh được nộp vào số tiền 70.000.000 đồng, còn số tiền 36.000.000 đồng thì bị cáo đã chiếm đoạt. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Nguyễn Thị Ngọc BH2 trình bày: Khoảng tháng 8/2024, chị nhận được điện thoại từ bị cáo cho rằng là nhân viên của ngân hàng Xây dựng và tư vấn cho chị biết lãi suất của ngân hàng Xây dựng là 6,5%/năm nên hướng dẫn chị chuyển sang vay tiền của ngân hàng Xây dựng, trước đó chị đang làm thủ tục để vay tiền tại ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội. Bị cáo nói muốn vay tiền của CBBank phải có hồ sơ thẩm định giá thế chấp tài sản và chị BH2 đã nhờ bị cáo liên hệ bộ phận thẩm định giá tài sản của ngân hàng. Bị cáo yêu cầu chị BH2 chuyển tiền 11 lần vào tài khoản của bị cáo mở tại ngân hàng phát triển thành phố Hồ Chí M để thanh toán các khoản chi phí thẩm định với tổng số tiền 94.500.000 đồng nhưng thực tế bị cáo không liên hệ với đơn vị thẩm định giá và cũng không dùng số tiền này cho hoạt động thẩm định giá. Chị đã liên hệ ngân hàng Xây dựng và biết được từ tháng 8/2023 bị cáo không còn là nhân viên của ngân hàng xây dựng và cũng không có hồ sơ của chị là khách hàng tại ngân hàng nên chị đã liên lạc với M để làm rõ sự việc thì bị cáo thừa nhận hành vi, chị đã yêu cầu bị cáo giao cho chị xe mô tô Biển số 71B4 - 688.34, nhãn hiệu Honda, số loại SH 150I để đảm bảo M trả lại tiền cho chị thì bị cáo đồng ý và xe này chị đã giao nộp cơ quan điều tra. Về số tiền 94.500.000 đồng thì chị đã được bồi thường, chị yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Vũ M khai nhận do cần tiền để tiêu xài nên bị cáo đã hai lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2023 đến ngày 27/7/2023, bị cáo là nhân viên làm viêc tại công ty TNHH Thịnh Kiên là đối tác của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (Viết tắt là VPBank), hoạt động trong lĩnh vực xử lý, thu hồi nợ nên có được thông tin anh Lê Phát BH1 có mở thẻ tín dụng của VPBank và đang nợ thẻ tín dụng số tiền 132.000.000 đồng. Do muốn chiếm đoạt tài sản của BH1 nên ngày 23/6/2023, bị cáo gọi điện thoại cho anh BH1 và tự giới thiệu là cán bộ tài chính của VPBank, thông báo số nợ đến tháng 4/2023 của anh BH1 là 132.000.000 đồng và tự đưa ra thông tin cho rằng ngân hàng có chương trình giảm lãi, giảm phí phạt với điều kiện anh BH1 cần thanh toán số tiền 110.000.000 đồng tất nợ. Anh BH1 tin tưởng nên

ngày 22/7/2023 đã gọi điện thoại cho bị cáo nói đã mượn được số tiền 106.000.000 đồng, bị cáo hẹn anh BH1 đến Ngân hàng Thương mại cổ phần quân đội chi nhánh Bến Tre để giao số tiền, M sẽ tự cho mượn số tiền 4.000.000 đồng để bù vào tất toán nợ ngân hàng. Cùng ngày anh BH1 đã giao cho bị cáo số tiền này, do không biết cách nộp tiền qua ATM vào tài khoản nên M gọi điện cho Trương Thị Ngọc LQ đến nộp giùm, LQ nộp số tiền 106.000.000 đồng vào tài khoản của LQ sau đó chuyển toàn bộ số tiền cho tài khoản ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam của bà Trần Thị Xuyến nhưng bị cáo là người sử dụng tài khoản. Ngày 24/7/2023 là ngày Thứ Hai, bị cáo chuyển số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản của bà Xuyến qua tài khoản của bị cáo số 0943355255 của M mở tại VPBank, cùng ngày bị cáo đến ATM của VPBank rút 70.000.000 đồng này đưa cho Nguyễn Minh Thuận là nhân viên bảo vệ của VPBank và yêu cầu anh Thuận vào quầy thu ngân nộp vào tài khoản thẻ tín dụng của anh BH1 để trả nợ tín dụng cho anh BH1, số tiền 36.000.000 đồng bị cáo tiêu xài.

Từ tháng 10/2023 đến tháng 06/2024, bị cáo là nhân viên của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (viết tắt là MBAMC) trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội (viết tắt là MBBank) có chức năng xử lý nợ, thẩm định tài sản nên bị cáo có hồ sơ thẩm định tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc BH2, là khách hàng của MBBank. Từ 01/7/2024 đến 09/8/2024 bị cáo là là cán bộ ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang (Phòng Giao dịch Cai Lậy. Do muốn chiếm đoạt tiền của chị BH2 nên tháng 8/2024, bị cáo sử dụng số điện thoại 0943355255 (do bị cáo đăng ký chủ thuê bao) gọi cho chị BH2, giới thiệu bị cáo là nhân viên của Ngân hàng Xây dựng Việt Nam (viết tắt là CBBank), tư vấn cho chị BH2 lãi suất của CBBank là 6,5%/năm, hướng dẫn chị BH2 chuyển sang vay tiền của CBBank. Chị BH2 tưởng thật nên nhờ bị cáo hỗ trợ làm thủ tục để chuyển sang vay tiền của CBBank. Bị cáo nói muốn vay tiền của CBBank phải có hồ sơ thẩm định giá tài sản thế chấp, chị BH2 nhờ bị cáo liên hệ với bộ phận thẩm định giá tài sản của Ngân hàng. Để thanh toán cho các khoản chi phí thẩm định giá tài sản theo đề nghị của bị cáo, từ ngày 23/9/2024 đến ngày 25/10/2024, chị BH2 đã 11 lần chuyển tiền cho bị cáo với tổng số tiền 94.500.000 đồng (chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng thực tế bị cáo không liên hệ với đơn vị thẩm định giá tài sản và cũng không sử dụng tiền đã nhận của chị BH2 chi trả cho hoạt động thẩm định giá tài sản, mà bị cáo chiếm đoạt toàn bộ số tiền 94.500.000 đồng. Bị cáo thừa nhận hành vi và đã tác động gia đình bồi thường xong cho hai bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh, điều luật áp dụng cũng như các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị để bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời. Đối với các đề nghị về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp thì đề nghị xử lý như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Vũ M thừa nhận hành vi do cần tiền để tiêu xài và do từng là nhân viên của công ty trách nhiệm hữu hạn Thịnh Kiên vào thời điểm từ ngày 05/02/2023 đến 27/7/2023, là đối tác của ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng hoạt động trong lĩnh vực xử lý nợ xấu nên bị cáo biết được danh sách kèm theo thông tin của khách hàng có nợ quá hạn của VPBank trong đó có bị hại Lê Phát BH1. Từ tháng 10/2023 đến tháng 6/2024 bị cáo là nhân viên của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội có chức năng xử lý nợ, thẩm định nên bị cáo có hồ sơ thẩm định tài sản của bị hại Nguyễn Thị Ngọc BH2 là khách hàng của Ngân hàng Quân đội.

Do cần tiêu tiêu xài và muốn chiếm đoạt tài sản của các bị hại, bị cáo lợi dụng thông tin có được từ vị trí từng công tác, bị cáo đã nói chính xác về thông tin về khoản nợ tín dụng của bị hại Lê Phát BH1 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, đưa ra thông tin ngân hàng có chương trình giảm lãi, giảm phí phạt từ khoản nợ 132.000.000 đồng chỉ cần thanh toán 110.000.000 đồng là tất nợ. Do tin tưởng nên ngày 22/7/2023 anh BH1 đã giao cho bị cáo số tiền 106.000.000 đồng, ngày 24/7/2023 bị cáo nhờ người nộp vào tài khoản thẻ tín dụng của anh BH1 số tiền 70.000.000 đồng, chiếm đoạt 36.000.000 đồng.

Do biết được thông tin chị Nguyễn Thị Ngọc BH2 đang là khách hàng của ngân hàng Quân đội đang thực hiện thủ tục thẩm định, mặc dù bị cáo là nhân viên của ngân hàng xây dựng chỉ trong khoảng thời gian từ 01/7/2024 đến 09/8/2024 thì nghỉ việc nhưng bị cáo vẫn nói với chị BH2 bị cáo là nhân viên ngân hàng xây dựng và cho biết ngân hàng xây dựng có lãi suất 6.5%/năm và hướng dẫn để chị BH2 chuyển sang vay tiền tại ngân hàng xây dựng, nhận hỗ trợ chị BH2 thực hiện hồ sơ thẩm định tài sản thế chấp và liên hệ với bộ phận thẩm định giá của ngân hàng. Từ ngày 23/9/2024 đến ngày 25/10/2024, chị BH2 đã 11 lần chuyển tiền cho bị cáo với tổng số tiền 94.500.000 đồng (chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để thực hiện thủ tục thẩm định, định giá tài sản thế chấp nhưng thực tế bị

cáo không liên hệ với đơn vị thẩm định giá tài sản và cũng không sử dụng tiền đã nhận của chị BH2 chi trả cho hoạt động thẩm định giá tài sản, mà bị cáo chiếm đoạt toàn bộ số tiền.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo không phải là nhân viên của ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, bị cáo nhận thức được không có việc ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có chương trình giảm lãi, phí phạt vi phạm nhưng lợi dụng từ thông tin khoản nợ tín dụng của bị hại mà bị cáo có được từ khi là nhân viên của công ty là đối tác của ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, muốn chiếm đoạt tiền của bị hại nên bị cáo đã nói dối với bị hại mình là nhân viên ngân hàng, ý thức muốn chiếm được số tiền còn lại sau khi trừ đi khoản tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, có thủ đoạn gian dối cho rằng ngân hàng có chương trình khuyến mãi để bị hại tin tưởng giao cho bị cáo số tiền 106.000.000 đồng trả nợ tín dụng, bị cáo chỉ nộp vào tài khoản tín dụng tín dụng 70.000.000 đồng, chiếm đoạt của bị hại Lê Phát BH1 số tiền 36.000.000 đồng. Trong vụ này, bị cáo tuy có thủ đoạn gian dối để bị hại giao số tiền 106.000.000 đồng nhưng ý thức và thực tế hành vi bị cáo chỉ chiếm đoạt 36.000.000 đồng nên có cơ sở xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt là 36.000.000 đồng.

Tương tự, lợi dụng thông tin có được do từng là nhân viên của Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội có chức năng xử lý nợ, thẩm định nên bị cáo có hồ sơ thẩm định tài sản của bị hại Nguyễn Thị Ngọc BH2 là khách hàng của Ngân hàng Quân đội trước đó mặc dù là nhân viên ngân hàng Xây dựng Việt Nam trong thời gian ngắn từ 01/7/2024 đến 09/8/2024, với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị BH2, bị cáo nói với chị BH2 bị cáo là nhân viên ngân hàng xây dựng, nhận hỗ trợ chị BH2 thực hiện hồ sơ thẩm định tài sản thế chấp và liên hệ với bộ phận thẩm định giá của ngân hàng Xây Dựng để chị BH2 được vay vốn tại ngân hàng xây dựng lãi suất thấp hơn ngân hàng Quân Đội, từ ngày 23/9/2024 đến ngày 25/10/2024, bị cáo yêu cầu chị BH2 chuyển cho bị cáo với tổng số tiền 94.500.000 đồng và chiếm đoạt số tiền này.

Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với hai tình tiết định khung hình phạt là chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng và lợi dụng danh nghĩa cơ quan tổ chức theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành phạm tội thấy rằng, bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Song, chỉ vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài nhưng không bỏ công sức lao động nên bị cáo đã xem thường pháp luật, với mục đích chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lừa dối các bị hại nhằm chiếm đoạt số tiền 130.500.000 đồng, gây khó khăn cho hoạt động kinh tế cho các bị hại, gây bất bình trong nhân dân nên cần phải có mức hình phạt tương xứng.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho thấy: bị cáo 2 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền tổng cộng 130.500.000 đồng, số tiền chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng trong đó có một lần chiếm đoạt tài sản trên 2.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng, một lần chiếm đoạt tài sản trên 50.000.000 đồng nhưng dưới 200.000.000 đồng nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường xong cho các bị hại; bị cáo đang trực tiếp nuôi con còn nhỏ sinh năm 2021; bị cáo được Ủy ban nhân dân xã tặng giấy khen do từng hỗ trợ quà cho người có hoàn cảnh khó khăn; các bị hại yêu cầu bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần chiếu cố giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận bị cáo đã tác động ông Trần Văn Chí là cha của bị cáo bồi thường xong cho bị hại và các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm; ghi nhận ông Chí không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền ông đã bỏ ra bồi thường cho bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản khác, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A35 5G cho chị Nguyễn Thị Ngọc BH2 là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với xe máy biển số 71B4 - 688.34, nhãn hiệu Honda, số loại SH 150I, số máy KF42E0030847, số khung RLHKF4207MY008664, màu sơn: Trắng đen và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 71027033 của xe mô tô Biển số 71B4 - 688.34, mang tên chủ xe Trương Thị Ngọc LQ là của chị LQ, chị LQ không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện để đi tư vấn các khoản vay cho bị hại nên cần trả lại cho chị LQ.

Đối với 01 (một) thẻ bảng tên mang tên "TRẦN VŨ M Chuyên viên QL QHKH", có logo chữ "CB" là công cụ phạm tội, bị cáo mang để bị hại tin rằng bị cáo còn là nhân viên của Ngân hàng Xây dựng nên tịch thu lưu hồ sơ.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, loại Iphone XP, số máy: MH5G3LL/A, số seri: DX4GF357KXKN, số Imei 1: 354065527293596, số Inei 2: 354065527786102; bên trong điện thoại có lắp thẻ sim số 89840200011643059015 là điện thoại bị cáo dùng để liên lạc, lừa dối các bị hại, là công cụ phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc LQ là vợ của Trần Vũ M, khi giúp M nộp số tiền 106.000.000 đồng vào tài khoản của LQ, sau đó chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản của M để M chiếm đoạt số tiền 36.000.000 đồng của anh Lê Phát BH1, chị

LQ không bàn bạc, hứa hẹn trước với M là sẽ tiếp tay cho M lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Lê Phát BH1, lúc M nhờ nộp tiền vào tài khoản của LQ, LQ không biết M thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của anh BH1 nên không có căn cứ xác định LQ đồng phạm hoặc phạm tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với bà Trần Thị Xuyến là bà nội của Trần Vũ M, bà Xuyến không biết M lấy thông tin của bà Xuyến mở tài khoản số 7109205161173 tại Agribank để M sử dụng vào việc phạm tội, không biết bị cáo nộp tiền vào tài khoản, không biết hành vi của bị cáo nên không có căn cứ xác định bà Xuyến đồng phạm với M hoặc phạm tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[8] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt là thỏa đáng, đề nghị giải quyết các vấn đề khác là phù hợp, lời bào chữa của người bào chữa là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Vũ M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Vũ M 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 25/02/2025.

[3] Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả cho chị Trương Thị Ngọc LQ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật: xe máy biển số 71B4 - 688.34, nhãn hiệu Honda, số loại SH 150I, số máy KF42E0030847, số khung RLHKF4207MY008664, màu sơn: Trắng đen và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 71027033 của xe mô tô Biển số 71B4 - 688.34, mang tên Trương Thị Ngọc LQ.

- Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) bảng tên mang tên "TRẦN VŨ M Chuyên viên QL QHKH", có logo chữ "CB" là công cụ phạm tội sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước sau khi bản án có hiệu lực pháp luật: 01 (một) điện thoại di động, loại Iphone XP, số máy: MH5G3LL/A, số seri:

DX4GF357KXKN, số Imei 1: 354065527293596, số Inei 2: 354065527786102; bên trong điện thoại có lắp thẻ sim số 89840200011643059015.

[4] Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND Khu vực 5 – Vĩnh Long (1b);
- Phòng HSNV CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (2b);
- Phòng THA DS Khu vực 5, Vĩnh Long(1b);
- UBND phường Phú Khương (1b);
- UBND phường An Hội (1b);
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (4b);
- Lưu: HS; VP; KTNV(5b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Lăng